

Số: *16/44*SYT-NVY
V/v góp ý dự thảo "Hướng dẫn
đánh giá, xếp loại công tác QLNN
về ATTP"

Bắc Giang, ngày *07* tháng 9 năm 2018

Kính gửi:

- Các cơ quan thành viên BCĐLN về ATTP tỉnh Bắc Giang;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Thông báo số 171/TB-UBND ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ánh Dương tại Hội nghị kiểm điểm công tác quản lý nhà nước (QLNN) về an toàn thực phẩm (ATTP) 6 tháng đầu năm 2018; triển khai nhiệm vụ, giải pháp những tháng cuối năm 2018.

Sau khi tham khảo Quyết định số 4070/QĐ-BNN-QLCL ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, xếp hạng công tác quản lý ATTP nông lâm thủy sản tại các địa phương; Quyết định số 982/QĐ-ATTP của Cục trưởng Cục ATTP - Bộ Y tế ban hành Bảng điểm và mẫu biên bản kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch ATTP của Chi cục tuyến tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Sở Y tế dự thảo văn bản của Ban chỉ đạo liên ngành (BCĐLN) về ATTP tỉnh hướng dẫn đánh giá, xếp loại đối với công tác QLNN về ATTP của cấp huyện/thành phố và xã/phường/thị trấn (*dự thảo đính kèm*).

Để kịp thời hoàn thiện văn bản, trình Trường BCĐLN về ATTP tỉnh phê duyệt và chỉ đạo, triển khai, Sở Y tế đề nghị:

1. UBND các huyện, thành phố triển khai lấy ý kiến đóng góp nội dung bản dự thảo của các đơn vị thành viên BCĐLN về ATTP huyện/thành phố và UBND các xã/phường/thị trấn.

2. Các cơ quan thành viên BCĐLN về ATTP tỉnh nghiên cứu bản dự thảo và đóng góp ý kiến.

Đề nghị các cơ quan, UBND các huyện/thành phố tổng hợp ý kiến góp ý bằng văn bản gửi về Sở Y tế (*qua đơn vị tổng hợp: Chi cục ATVSTP, Email: chicucavstp@bacgiang.gov.vn*) trước ngày **25/9/2018**./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Lưu: VT, NVY.

Bản điện tử:

- Như trên;

- huenh@bacgiang.gov.vn;

- Chi cục ATVSTP.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Sinh

Số: /HD-BCĐLN

Bắc Giang, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

HƯỚNG DẪN

Đánh giá, xếp loại công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

Thực hiện Thông báo số 171/TB-UBND ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về Kết luận Hội nghị kiểm điểm công tác quản lý nhà nước (QLNN) về an toàn thực phẩm (ATTP) 6 tháng đầu năm 2018; triển khai nhiệm vụ, giải pháp những tháng cuối năm 2018.

Để đánh giá, xếp loại hằng năm đối với cấp huyện/thành phố và xã/phường/thị trấn trong việc triển khai công tác QLNN về ATTP. Ban chỉ đạo liên ngành (BCĐLN) về ATTP xây dựng bảng điểm và hướng dẫn đánh giá, chấm điểm, xếp loại như sau:

1. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

- Phản ánh đầy đủ nội dung triển khai công tác QLNN về ATTP ở địa phương; bảo đảm đánh giá các tiêu chí thực sự trung thực, khách quan, đầy đủ và sự thống nhất của kết quả thực hiện, thông tin thu nhận, lưu trữ sử dụng trong hoạt động đánh giá, chấm điểm.

- Đánh giá kết quả thực hiện công tác QLNN về ATTP hằng năm được tính từ ngày 01/12 của năm trước đến ngày 30/11 của năm đánh giá.

- Mức xếp loại được tính theo điểm đạt của địa phương và sắp xếp theo thứ tự từ địa phương có điểm cao nhất đến địa phương có điểm thấp nhất; các địa phương có cùng số điểm thì xếp cùng một loại.

2. Nội dung đánh giá, xếp loại

- Khối lượng, chất lượng hoàn thành các nhiệm vụ liên quan đến công tác QLNN về ATTP theo phân công, phân cấp.

- Hiệu quả, tác động thực tế triển khai công tác QLNN về ATTP tại địa phương.

- Bảng điểm đánh giá về 03 lĩnh vực với 10 tiêu chí; tổng số điểm đạt 100 điểm, điểm trừ 10 điểm, điểm thưởng 10 điểm. Việc đánh giá, chấm điểm được thực hiện theo hướng dẫn của bảng điểm (*Chi tiết tại Phụ lục 1, 2*), trong đó:

+ Chỉ đạo, điều hành công tác QLNN về ATTP;

+ Kết quả thực hiện công tác QLNN về ATTP;

+ Nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật;

3. Quy trình đánh giá, chấm điểm

a) Tự đánh giá, chấm điểm:

- UBND xã/phường/thị trấn: Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại theo nội dung từng tiêu chí của bảng điểm (*Phụ lục 1*) và gửi về đơn vị thường trực BCĐLN về ATTP huyện/thành phố trước ngày 05 tháng 12 hằng năm;

- UBND huyện/thành phố: Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm, xếp loại của các xã/phường/thị trấn và kết quả thực hiện của cấp huyện để tổ chức tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại theo nội dung từng tiêu chí của bảng điểm (Phụ lục 2); gửi kết quả đánh giá, xếp loại theo mẫu (Phụ lục 3) về Sở Y tế (qua đơn vị tổng hợp: Chi cục ATVSTP, Email: chicucativstp@bacgiang.gov.vn) trước ngày 15/12 hằng năm để tổng hợp trình Thường trực Ban chỉ đạo xem xét, báo cáo UBND tỉnh, BCĐLN về ATTP tỉnh Bắc Giang.

b) Xếp loại: Việc đánh giá công tác QLNN về ATTP được xếp thành các loại theo mức điểm sau:

- Loại xuất sắc: Tổng số điểm đạt từ 95 - 110 điểm;
- Loại A (Tốt): Tổng số điểm đạt từ 90 - 95 điểm;
- Loại B (Khá): Tổng số điểm đạt từ 75 - 89 điểm;
- Loại C (Trung bình): Tổng số điểm đạt từ 60 - 74 điểm;
- Loại D (Kém): Tổng số điểm đạt dưới 60 điểm.

c) Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm:

- UBND huyện/thành phố căn cứ tình hình thực tế để thành lập Hội đồng/Tổ công tác tiến hành thẩm định kết quả đánh giá, chấm điểm, xếp loại của các xã/phường/thị trấn trên địa bàn (khi cần thiết) trước khi tổ chức tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại của cấp huyện/thành phố.

- Sở Y tế (Đơn vị Thường trực BCĐLN về ATTP tỉnh):

+ Chỉ đạo Tổ công tác liên ngành về ATTP: Tổng hợp kết quả đánh giá, chấm điểm của các huyện/thành phố;

+ Chủ trì, phối hợp với các thành viên BCĐLN về ATTP tỉnh thuộc ngành NN&PTNT, Công Thương, Ủy ban MTTQ tỉnh và Tổ công tác liên ngành về ATTP tỉnh triển khai họp thẩm định hồ sơ/thẩm định thực tế (khi cần thiết).

+ Trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả.

4. Phê duyệt kết quả xếp loại

- Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả xếp loại công tác QLNN về ATTP của các huyện, thành phố.

- Chủ tịch UBND huyện/thành phố phê duyệt kết quả xếp loại công tác QLNN về ATTP của các xã/phường/thị trấn.

Trong quá trình triển khai, nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc bất cập, đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Trưởng BCĐLN về ATTP tỉnh xem xét, chỉ đạo triển khai cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, KGVX.

Bản điện tử:

- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (B/cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục ATTP - Bộ Y tế;
- Các cơ quan thành viên Ban chỉ đạo và Tổ công tác liên ngành về ATTP tỉnh;
- UBMTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, TKCT, KT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Ánh Dương**

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM
CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CẤP XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
 (Ban hành kèm theo Hướng dẫn số /HD-BCĐLN ngày / /2018 của BCĐLN về ATTP tỉnh Bắc Giang)

TT	Tiêu chí	Điểm			Ghi chú
		Đạt	Trừ	Thưởng	
I	CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ ATTP	41	7,5	5	
1	Có Quyết định thành lập BCĐLN về ATTP do đồng chí Chủ tịch UBND làm Trưởng Ban; có quy chế hoạt động; có văn bản phân công nhiệm vụ từng thành viên BCĐLN về ATTP; BCĐ có tổ chức họp giao ban/sơ kết, tổng kết (≥ 02 lần/năm)	2	2		Kiểm tra tài liệu: QĐ, thông báo, công văn...
*	Có đủ nội dung trên	2			
*	Không có đủ nội dung trên, cụ thể :		2		
	Có/ không có QĐ thành lập BCĐLN về ATTP do Chủ tịch UBND làm Trưởng Ban	0,5	0,5		Đạt hoặc không đạt nội dung nào thì chấm điểm đạt hoặc điểm trừ tương ứng với nội dung đó là 01 điểm
	Có/ không có quy chế hoạt động của BCĐLN về ATTP	0,5	0,5		
	Có/ không có văn bản phân công nhiệm vụ từng thành viên BCĐLN về ATTP	0,5	0,5		
	BCĐ không tổ chức họp hoặc chỉ tổ chức họp 01 lần/năm	0,5	0,5		
2	Xây dựng kế hoạch năm có chỉ tiêu cụ thể để thực hiện; có văn bản triển khai dịp cao điểm (Tết Nguyên đán, lễ hội xuân; Tháng hành động vì ATTP; Tết Trung thu); có văn bản tăng cường công tác ATTP theo chỉ đạo của cấp trên	3	3		Kiểm tra kế hoạch, văn bản đã ban hành
*	Có đủ nội dung trên	3			
*	Không có đủ nội dung trên, cụ thể :		3		
	Có/ không xây dựng kế hoạch năm với chỉ tiêu cụ thể để thực hiện	1	1		Đạt hoặc không đạt nội dung này thì chấm điểm đạt hoặc điểm trừ 01 điểm
	Có/ không ban hành văn bản triển khai dịp Tết Nguyên đán, lễ hội xuân	0,5	0,5		
	Có/ không ban hành văn bản triển khai dịp Tháng hành động vì ATTP	0,5	0,5		Đạt hoặc không đạt nội dung nào thì chấm điểm đạt hoặc điểm trừ tương ứng với nội dung đó 0,5 điểm
	Có/ không ban hành văn bản triển khai dịp Tết Trung thu	0,5	0,5		
	Có/ không ban hành văn bản tăng cường công tác ATTP theo chỉ đạo của cấp trên	0,5	0,5		

TT	Tiêu chí	Điểm			Ghi chú
		Đạt	Trừ	Thưởng Chấm	
3	Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm về công tác quản lý ATTP	33	0,5	5	
3.1	Tỷ lệ diện tích sản xuất thâm canh rau, quả, thủy sản theo tiêu chuẩn VietGap	3		0,5	Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5	
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	2			
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	1			
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0			
3.2	Tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap	3		0,5	Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5	
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	2			
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	1			
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0			
3.3	Tỷ lệ chợ được quy hoạch và kiểm soát ATTP (không bao gồm chợ tự phát)	3		0,5	Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5	
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	2			
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	1			
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0			
3.4	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn xây dựng điểm mô hình vận động và giám sát bảo đảm ATTP	3		0,5	Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5	
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	2			
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	1			
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0			
3.5	Tỷ lệ thôn (bản, khu dân cư) thuộc xã (phường, thị trấn) duy trì hoạt động tuyên truyền, vận động và kiểm tra, giám sát ATTP	3		0,5	Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5	
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	2			
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	1			
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0			

TT	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	Tiêu chí	Điểm			Ghi chú	
			Đạt	Trừ	Thưởng		Chấm
3.6	Tỷ lệ hộ gia đình đăng ký, cam kết sản xuất nông nghiệp, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
		Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		
		Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	2				
		Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	1				
		Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0				
3.7	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
		Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		
		Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	2				
		Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	1				
		Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0				
3.8	Tỷ lệ số hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm đăng ký, cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
		Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		
		Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	2				
		Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	1				
		Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0				
3.9	Tỷ lệ xã được công nhận nông thôn mới và phường, thị trấn được công nhận đô thị văn minh đạt tiêu chí ATTP	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
		Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		
		Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	2				
		Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	1				
		Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0				
3.10	Tỷ lệ cơ sở giết mổ, thu gom, sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống được thanh tra, kiểm tra, phân loại theo quy định	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
		Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		
		Đạt dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	2				

TT	Tiêu chí	Đạt	Điểm			Ghi chú
			Trừ	Thưởng	Chấm	
	Có triển khai nhưng không thường xuyên hoặc có tăng cường nhưng không đủ 03 dịp cao điểm (Tết Nguyên đán, Lễ hội Xuân; Tháng hành động vì ATTP; Tết Trung thu) hoặc tuyên truyền không đầy đủ đến các nhóm đối tượng tuyên truyền	2				
	Không triển khai tuyên truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, thực hành đúng về ATTP	0	1			
1.3	Công khai tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP trên phương tiện thông tin đại chúng	6				Tính % đạt = Số thực hiện công khai/ Tổng số tổ chức, cá nhân có vi phạm
	100% tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP được công khai theo quy định	6				
	90% đến dưới 100% tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP được công khai theo quy định	3				
	80% đến dưới 90% tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP được công khai theo quy định	2				
	Dưới 80% tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP được công khai theo quy định	0				
1.4	Đa dạng hóa các hình thức truyền thông trực tiếp, gián tiếp như: tuyên truyền, phổ biến kiến thức trên phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống loa đài; tờ rơi; poster; pano, áp phích; băng rôn... để phục vụ công tác tuyên truyền về ATTP (tối thiểu 05 hình thức)	6		0,5		
	Thực hiện đa dạng hóa các hình thức truyền thông (05 hình thức truyền thông)	6		0,5		Kiểm tra văn bản, tài liệu chứng minh.
	Thực hiện đa dạng hóa từ 03 - 04 hình thức truyền thông	3				
	Thực hiện dưới 03 hình thức truyền thông	0				
1.5	Phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP giữa chính quyền, đơn vị chức năng quản lý ATTP và MTTQ, các đơn vị thành viên	6	1	1		Kiểm tra văn bản, tài liệu chứng minh.
	Xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP từ 4 cuộc trở lên/ năm	6		1		
	Xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP từ 2 - 3 cuộc/ năm	3				

TT	Tiêu chí	Điểm				Ghi chú
		Đạt	Trừ	Thưởng	Chấm	
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	1				
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0				
3.11	Số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể cấp tỉnh được ghi nhận	3	0,5			Kiểm tra báo cáo (bản lưu)
	Không có vụ ngộ độc thực phẩm tập thể cấp tỉnh được ghi nhận	3				
	Có ≥ 01 vụ ngộ độc thực phẩm tập thể cấp tỉnh được ghi nhận	0	0,5			
4	Thực hiện báo cáo định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, cả năm), báo cáo dịp cao điểm (Tết Nguyên đán, lễ hội xuân; Tháng hành động vì ATTP; Tết Trung thu) đầy đủ, đúng thời gian quy định (tối thiểu 21 báo cáo/năm)	3	2			Kiểm tra (ngày ký, ngày nhận) báo cáo (bản lưu).
*	Có đủ nội dung trên (21 báo cáo/năm)	3				
*	Không có đủ nội dung trên, cụ thể:		2			
	Có báo cáo và gửi đúng thời gian quy định tính 0,1 điểm/01 báo cáo (tối đa đạt 02 điểm)	2				
	Thiếu báo cáo theo quy định trừ 0,05 điểm/01 báo cáo (tối đa trừ 01 điểm)		1			
	Báo cáo chậm thời gian quy định trừ 0,05 điểm/01 báo cáo (tối đa trừ 01 điểm)		1			
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	59	2,5	2,5		
I	Truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, thực hành đúng về ATTP	26	1	1,5		
1.1	Tổ chức Lễ phát động hoặc Hội nghị triển khai Tháng hành động vì ATTP	2				Kiểm tra văn bản, tài liệu chứng minh.
	Có triển khai	2				
	Không triển khai	0				
1.2	Triển khai truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, thực hành đúng về ATTP đến các nhóm đối tượng tuyên truyền (người quản lý, sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm)	6	1			Kiểm tra văn bản, tài liệu chứng minh.
	Triển khai thường xuyên, có tăng cường trong dịp cao điểm (Tết Nguyên đán, Lễ hội Xuân; Tháng hành động vì ATTP; Tết Trung thu) và tuyên truyền đầy đủ đến các nhóm đối tượng tuyên truyền	6				

TT	Tiêu chí	Đạt	Trừ	Điểm		Ghi chú
				Thưởng	Chấm	
	Xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP 01 cuộc/ năm	1				
	Có xây dựng kế hoạch nhưng không tổ chức thực hiện hoặc không xây dựng kế hoạch, không tổ chức thực hiện phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP	0	1			
2	Quản lý; thanh tra, kiểm tra cơ sở thực phẩm	12	0,5			
2.1	Định kỳ (tối thiểu 01 lần/năm) tiến hành điều tra, phân loại (A, B, C) và lập sổ theo dõi đầy đủ cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý trên địa bàn	6				Kiểm tra văn bản, tài liệu chứng minh.
	Thực hiện điều tra, phân loại (A, B, C) và lập sổ theo dõi đầy đủ cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý	6				
	Thực hiện điều tra, phân loại (A, B, C) và lập sổ theo dõi được từ 90 đến dưới 100% cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý	4				
	Thực hiện điều tra, phân loại (A, B, C) và lập sổ theo dõi được từ 80 đến dưới 90% cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý	2				
	Thực hiện điều tra, phân loại (A, B, C) và lập sổ theo dõi được dưới 80% cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý	1				
	Không thực hiện điều tra, phân loại (A, B, C) và lập sổ theo dõi cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý	0	0,5			
2.2	Xây dựng, phê duyệt kế hoạch kiểm tra hằng năm; tổ chức các cuộc kiểm tra liên ngành, chuyên ngành theo kế hoạch được phê duyệt đối với cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý trên địa bàn	6	0,5			Kiểm tra văn bản, tài liệu chứng minh.
	Triển khai thực hiện đầy đủ nội dung trên	6				
	Có xây dựng, phê duyệt kế hoạch kiểm tra hằng năm; có tổ chức các cuộc kiểm tra liên ngành, chuyên ngành nhưng chưa đạt kế hoạch đã được phê duyệt	3				

TT	Tiêu chí	Đạt	Điểm			Chi chú
			Trừ	Thường	Chấm	
1	Không xây dựng, phê duyệt kế hoạch kiểm tra hàng năm nhưng có tổ chức các cuộc kiểm tra liên ngành, chuyên ngành đối với cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý trên địa bàn	1				
0	Có xây dựng, phê duyệt kế hoạch kiểm tra hàng năm nhưng không tổ chức thực hiện hoặc không xây dựng kế hoạch và không tổ chức các cuộc kiểm tra liên ngành, chuyên ngành đối với cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý trên địa bàn	0	0,5			
3	Nâng cao năng lực công tác quản lý ATTP	11		1		
3.1	Đào tạo/ tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác ATTP các cấp	5				
	100% cán bộ làm công tác ATTP của xã (phường/ thị trấn) được đào tạo/ tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	5				
	80% đến dưới 100% cán bộ làm công tác ATTP của xã (phường/ thị trấn) được đào tạo/ tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	3				Tính % / tổng số = Số thực hiện/ Tổng số cán bộ làm ATTP xã (phường, thị trấn)
	60% đến dưới 80% cán bộ làm công tác ATTP của xã (phường/ thị trấn) được đào tạo/ tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	2				
	Dưới 60% cán bộ làm công tác ATTP của xã (phường/ thị trấn) được đào tạo/ tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	0				
3.2	Đầu tư, sử dụng trang thiết bị cho hoạt động kiểm tra, giám sát về ATTP (thiết bị, dụng cụ lấy và bảo quản mẫu; test kiểm tra nhanh về ATTP)	3		0,5		
	Có đầu tư, sử dụng trang thiết bị cho hoạt động kiểm tra, giám sát về ATTP	3		0,5		Kiểm tra văn bản, tài liệu chứng minh.
	Có đầu tư nhưng không sử dụng trang thiết bị cho hoạt động kiểm tra, giám sát về ATTP hoặc không đầu tư	0				
3.3	Đầu tư kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về ATTP	3		0,5		
	Có đầu tư kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về ATTP	3		0,5		Kiểm tra văn bản, tài liệu chứng minh.
	Không đầu tư kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về ATTP	0				
4	Xây dựng, phát triển cơ sở giết mổ, sản xuất, kinh doanh và chuỗi cung cấp TP an toàn	10				
4.1	Xây dựng, phát triển mô hình (cơ sở) giết mổ/ sản xuất/ kinh doanh thực phẩm an toàn	5				

	Xây dựng, phát triển ≥ 01 cơ sở giết mổ/ sản xuất/ kinh doanh TP an toàn	5				Kiểm tra văn bản, tài liệu chứng minh.
	Không xây dựng, phát triển cơ sở giết mổ/ sản xuất/ kinh doanh TP an toàn	0				
4.2	Xây dựng, phát triển chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn	5				
	Xây dựng, phát triển được ≥ 01 chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn	5				Kiểm tra văn bản, tài liệu chứng minh.
	Không xây dựng, phát triển chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn	0				
TT	Tiêu chí	Điểm			Ghi chú	
		Đạt	Trừ	Thưởng	Chấm	
III	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, SÁNG KIẾN CÁI TIẾN KỸ THUẬT					
1	Có từ 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên về lĩnh vực ATTP được triển khai, nghiệm thu			2,5		
2	Có từ 01 sáng kiến hoặc áp dụng theo tiêu chuẩn kỹ thuật tiên tiến (VietGap, VietGapH...) góp phần tăng năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm trong sản xuất nông, lâm, thủy sản			1		
	TỔNG ĐIỂM	100	10	10		Kiểm tra đề tài, tài liệu chứng minh; không có không cho điểm

Ghi chú: Đối với các xã/phường/thị trấn không được giao chỉ tiêu vì không có hoạt động sản xuất nông, thủy sản/ xây dựng nông thôn mới/ không có chợ... thì chấm điểm tối đa, nhưng không cộng điểm thưởng và ghi trong cột ghi chú là "không có"

Tổng điểm: Điểm đạt = 100 điểm; Điểm trừ: 10 điểm; điểm thưởng = 10 điểm

Phân loại:

* Loại xuất sắc: Tổng số điểm đạt từ 95 - 110 điểm

* Loại A (Tốt): Tổng số điểm đạt từ 90 - 95 điểm

* Loại B (Khá): Tổng số điểm đạt từ 75 - 89 điểm

* Loại C (Trung bình): Tổng số điểm đạt từ 60 - 74 điểm

* Loại D (Kém): Tổng số điểm đạt dưới 60 điểm

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM
CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CẤP HUYỆN/THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số /HD-BCĐLN ngày / /2018 của BCĐLN về ATTP tỉnh Bắc Giang)

TT	Tiêu chí	Điểm				Ghi chú
		Đạt	Trừ	Thưởng	Chấm	
I	CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CÔNG TÁC QLNN VỀ ATTP	60	10	5,5		
1	Ban chỉ đạo liên ngành	5	2			
1.1	Huyện (TP) có QĐ thành lập BCĐLN về ATTP do đồng chí Chủ tịch UBND làm Trưởng Ban; có quy chế hoạt động; có văn bản phân công nhiệm vụ từng thành viên BCĐLN về ATTP; BCĐ có tổ chức họp giao ban/sơ kết, tổng kết (≥ 02 lần/năm)	2	2			Kiểm tra tài liệu: QĐ, thông báo, công văn...
*	Có đủ nội dung trên	2				
*	Không có đủ nội dung trên, cụ thể :		2			
	Có/ không có QĐ thành lập BCĐLN về ATTP do Chủ tịch UBND làm Trưởng Ban	0,5	0,5			Đạt hoặc không đạt nội dung nào thì chấm điểm đạt hoặc điểm trừ tương ứng với nội dung đó 0,5 điểm
	Có/ không có quy chế hoạt động của BCĐLN về ATTP	0,5	0,5			
	Có/ không có văn bản phân công nhiệm vụ từng thành viên BCĐLN về ATTP	0,5	0,5			
	BCĐLN về ATTP không tổ chức họp hoặc chỉ tổ chức họp 01 lần/năm	0,5	0,5			
1.2	Xã (phường/thị trấn) có QĐ thành lập BCĐLN về ATTP do đồng chí Chủ tịch UBND làm Trưởng Ban; có quy chế hoạt động; có văn bản phân công nhiệm vụ từng thành viên BCĐLN về ATTP; BCĐ có tổ chức họp giao ban/sơ kết, tổng kết (≥ 02 lần/năm)	3				Kiểm tra các tài liệu, QĐ thành lập Ban chỉ đạo.
*	100% xã (phường/thị trấn) có đủ nội dung trên	3				
*	Từ 90% đến dưới 100% xã (phường/thị trấn) có đủ nội dung trên	1				
*	Dưới 90% xã (phường/thị trấn) có đủ nội dung trên	0				

TT	Tiêu chí	Điểm				Chí chú
		Đạt	Trừ	Thưởng	Chấm	
2	Ban hành văn bản chỉ đạo triển khai công tác QLNN và ATTP	6	3			
2.1	Huyện (thành phố) xây dựng kế hoạch năm có giao chỉ tiêu cụ thể cho đơn vị chức năng, UBND xã (phường/thị trấn); có văn bản triển khai dịp cao điểm (Tết Nguyên đán, lễ hội xuân; Tháng hành động vì ATTP; Tết Trung thu); có văn bản tăng cường công tác ATTP theo chỉ đạo của cấp trên	3	3			Kiểm tra kế hoạch, văn bản đã ban hành
*	Có đủ nội dung trên	3				
*	Không có đủ nội dung trên, cụ thể :		3			
	Có/ không xây dựng kế hoạch năm và giao chỉ tiêu cụ thể cho đơn vị chức năng, UBND xã (phường/thị trấn)	1	1			Đạt hoặc không đạt nội dung này thì chấm điểm đạt hoặc điểm trừ 01 điểm
	Có/ không ban hành văn bản triển khai dịp Tết Nguyên đán, lễ hội xuân	0,5	0,5			
	Có/ không ban hành văn bản triển khai dịp Tháng hành động vì ATTP	0,5	0,5			Đạt hoặc không đạt nội dung nào thì chấm điểm đạt hoặc điểm trừ tương ứng với nội dung đó 0,5 điểm
	Có/ không ban hành văn bản triển khai dịp Tết Trung thu	0,5	0,5			
	Có/ không ban hành văn bản tăng cường công tác ATTP theo chỉ đạo của cấp trên	0,5	0,5			
2.2	Xã (phường/thị trấn) xây dựng kế hoạch năm có chỉ tiêu cụ thể để thực hiện; có văn bản triển khai dịp cao điểm (Tết Nguyên đán, lễ hội xuân; Tháng hành động vì ATTP; Tết Trung thu)	3				Kiểm tra các tài liệu, QĐ thành lập Ban chỉ đạo.
*	100% xã (phường/thị trấn) có đủ nội dung trên	3				
*	90% đến dưới 100% xã (phường/thị trấn) có đủ nội dung trên	1				
*	Dưới 90% xã (phường/thị trấn) có đủ nội dung trên	0				

TT	Tiêu chí	Điểm				Ghi chú
		Đạt	Trừ	Thưởng	Chấm	
3	Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm về công tác quản lý ATTP	39	1	5,5		
3.1	Tỷ lệ diện tích sản xuất thâm canh rau, quả, thủy sản theo tiêu chuẩn VietGap	3		0,5		
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	2				Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	1				
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0				
3.2	Tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap	3		0,5		
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	2				Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	1				
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0				
3.3	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thủy sản, thực phẩm, dịch vụ ăn uống thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP được cấp giấy chứng nhận theo quy định	3		0,5		
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	2				Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	1				
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0				

TT	Tiêu chí	Điểm				Ghi chú
		Đạt	Trừ	Thưởng	Chấm	
3.4	Tỷ lệ chợ được quy hoạch và kiểm soát ATTP (không báo gồm chợ tự phát)	3		0,5		Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	2				
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	1				
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0				
3.5	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn xây dựng điểm mô hình vận động và giám sát bảo đảm ATTP	3		0,5		Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	2				
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	1				
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0				
3.6	Tỷ lệ thôn (bản, khu dân cư) thuộc xã (phường, thị trấn) duy trì hoạt động tuyên truyền, vận động và kiểm tra, giám sát ATTP	3		0,5		Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	2				
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	1				
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0				
3.7	Tỷ lệ hộ gia đình đăng ký, cam kết sản xuất nông nghiệp, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn	3		0,5		Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3		0,5		
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	2				
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	1				
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0				

TT	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	Tiêu chí	Điểm				Ghi chú
			Đạt	Trừ	Thưởng	Chấm	
			0				
3.8	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn		3		0,5		Tinh % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm		3		0,5		
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm		2				
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm		1				
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm		0				
3.9	Tỷ lệ số hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm đăng ký, cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn		3		0,5		Tinh % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm		3		0,5		
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm		2				
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm		1				
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm		0				
3.10	Tỷ lệ xã được công nhận nông thôn mới và phường, thị trấn được công nhận đô thị văn minh đạt tiêu chí ATTP		3		0,5		Tinh % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm		3		0,5		
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm		2				
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm		1				
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm		0				
3.11	Tỷ lệ cơ sở sơ giết mổ, thu gom, sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống được thanh tra, kiểm tra, phân loại theo quy định		3		0,5		Tinh % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm		3		0,5		
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm		2				
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm		1				

TT	Tiêu chí	Điểm				Ghi chú
		Đạt	Trừ	Thưởng	Chấm	
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0				
3.12	Tỷ lệ xã (phường, thị trấn) được kiểm tra, giám sát việc triển khai công tác QLNN và ATTP	3				Tính % đạt = Số thực hiện/ KH năm
	Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	3				
	Đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch năm	2				
	Đạt 80% đến dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch năm	1				
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch năm	0				
3.13	Số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể cấp tỉnh được ghi nhận	3	1			Kiểm tra báo cáo (bản lưu)
	Không có vụ ngộ độc thực phẩm tập thể cấp tỉnh được ghi nhận	3				
	Có ≥ 01 vụ ngộ độc thực phẩm tập thể cấp tỉnh được ghi nhận	0	1			
4	Thực hiện chế độ báo cáo	10	4			
4.1	Cấp huyện (TP) thực hiện báo cáo định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, cả năm), báo cáo dịp cao điểm (Tết Nguyên đán, lễ hội xuân; Tháng hành động vì ATTP; Tết Trung thu) đầy đủ, đúng thời gian quy định (tối thiểu 20 báo cáo/năm)	5	4			Kiểm tra (ngày ký, ngày nhận) báo cáo (bản lưu).
*	Có đủ nội dung trên (≥ 20 báo cáo/năm)	5				
*	Không có đủ nội dung trên, cụ thể :		4			
	Có báo cáo và gửi đúng thời gian quy định tính 0,2 điểm/ 01 báo cáo (tối đa đạt 04 điểm)	4				
	Thiếu báo cáo theo quy định trừ 0,1 điểm/ 01 báo cáo (tối đa trừ 02 điểm)		2			
	Báo cáo chậm thời gian quy định trừ 0,1 điểm/ 01 báo cáo (tối đa trừ 02 điểm)		2			
4.2	Cấp xã (phường/thị trấn) thực hiện báo cáo định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, cả năm), báo cáo dịp cao điểm (Tết Nguyên đán, lễ hội xuân; Tháng hành động vì ATTP; Tết Trung thu) đầy đủ, đúng thời gian quy định (tối thiểu 20 báo cáo/năm)	5				Kiểm tra (ngày ký) báo cáo (bản lưu).
*	100% xã (phường/thị trấn) có đủ nội dung trên	5				Tính % đạt = Số thực hiện/ Tổng số xã (phường, thị trấn) thuộc huyện (TP)
*	90% đến dưới 100% xã (phường/thị trấn) có đủ nội dung trên	2				
*	80% đến dưới 90% xã (phường/thị trấn) có đủ nội dung trên	1				

TT	Tiêu chí	Điểm				Ghi chú
		Đạt	Trừ	Thưởng	Chấm	
	Dưới 80% xã (phường/thị trấn) có đủ nội dung trên	0				
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	40		2		
1	Truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, thực hành đúng về ATTP	16				
1.1	Tổ chức Lễ phát động hoặc Hội nghị triển khai Tháng hành động vì ATTP	4				
*	Cấp huyện (TP) tổ chức Lễ phát động hoặc Hội nghị triển khai Tháng hành động vì ATTP	2				
	Có triển khai	2				
	Không triển khai	0				
*	Cấp xã (phường/ thị trấn) tổ chức Lễ phát động hoặc Hội nghị triển khai Tháng hành động vì ATTP	2				
	100% xã (phường/thị trấn) có triển khai	2				Tính % đạt = Số thực hiện/ Tổng số xã (phường, thị trấn) thuộc huyện (TP)
	80% đến dưới 100% xã (phường/thị trấn) có triển khai	1				
	Dưới 80% xã (phường/thị trấn) có triển khai	0				
1.2	Triển khai truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, thực hành đúng về ATTP đến các nhóm đối tượng tuyên truyền (người quán lý, sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm)	3				
	100% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) triển khai thường xuyên, có tăng cường trong dịp cao điểm (Tết Nguyên đán, Lễ hội Xuân; Tháng hành động vì ATTP; Tết Trung thu) và tuyên truyền đầy đủ đến các nhóm đối tượng tuyên truyền	3				
	90% đến dưới 100% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) triển khai thường xuyên, có tăng cường trong dịp cao điểm (Tết Nguyên đán, Lễ hội Xuân; Tháng hành động vì ATTP; Tết Trung thu) và tuyên truyền đầy đủ đến các nhóm đối tượng tuyên truyền	2				Tính % / tổng số = Số thực hiện/ [(Tổng số xã (phường, thị trấn) thuộc huyện (TP) + 01 (huyện/TP))]
	80% đến dưới 90% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) triển khai thường xuyên, có tăng cường trong dịp cao điểm (Tết Nguyên đán, Lễ hội Xuân; Tháng hành động vì ATTP; Tết Trung thu) và tuyên truyền đầy đủ đến các nhóm đối tượng tuyên truyền	1				

TT	Tiêu chí	Đạt	Điểm			Ghi chú
			Trừ	Thưởng	Chấm	
0						
1.3	Dưới 80% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) triển khai thường xuyên, có tăng cường trong dịp cao điểm (Tết Nguyên đán, Lễ hội Xuân; Tháng hành động vì ATTP; Tết Trung thu) và tuyên truyền đầy đủ đến các nhóm đối tượng tuyên truyền	3				Tính % đạt = Số thực hiện công khai/ Tổng số tổ chức, cá nhân có vi phạm
	Công khai tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP trên phương tiện thông tin đại chúng	3				
	100% tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP được cấp huyện (TP) và các xã (phường/ thị trấn) công khai theo quy định	2				
	90% đến dưới 100% tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP được cấp huyện (TP) và các xã (phường/ thị trấn) công khai theo quy định	1				
	80% đến dưới 90% tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP được cấp huyện (TP) và các xã (phường/ thị trấn) công khai theo quy định	0				
1.4	Dưới 80% tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP được cấp huyện (TP) và các xã (phường/ thị trấn) công khai theo quy định	3				
	Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trực tiếp, gián tiếp như: tuyên truyền, phổ biến kiến thức trên phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống loa đài; tờ rơi; poster; pano, áp phích; băng rôn... để phục vụ công tác tuyên truyền về ATTP (tối thiểu 05 hình thức)	3				
	100% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) thực hiện đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền	2				Tính % đạt = Số thực hiện/ [Tổng số xã (phường, thị trấn) thuộc huyện (TP) + 01 (huyện/TP)]
	90% đến dưới 100% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) thực hiện đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền	1				
	80% đến dưới 90% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) thực hiện đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền	0				
1.5	Dưới 80% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) thực hiện đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền	3				Tính % / tổng số = Số thực hiện/ [Tổng số xã (phường, thị trấn) thuộc huyện (TP) + 01 (huyện/TP)]
	Phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP giữa chính quyền, đơn vị chức năng quản lý ATTP và MTTQ, các đơn vị thành viên	3				
	100% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP	2				
	90% đến dưới 100% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP					

TT	Tiêu chí	Điểm			Ghi chú
		Đạt	Trừ	Thưởng	
	80% đến dưới 90% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP	1			
	Dưới 80% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP	0			
2	Quản lý; thanh tra, kiểm tra cơ sở thực phẩm	6			
2.1	Định kỳ (tối thiểu 01 lần/năm) tiến hành điều tra, phân loại (A, B, C) và lập số theo dõi đầy đủ cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý trên địa bàn	3			
	100% đơn vị chức năng cấp huyện (TP) và các xã (phường/ thị trấn) triển khai thực hiện	3			
	90% đến dưới 100% đơn vị chức năng cấp huyện (TP) và các xã (phường/ thị trấn) triển khai thực hiện	1			
	Dưới 90% đơn vị chức năng cấp huyện (TP) và các xã (phường/ thị trấn) triển khai thực hiện	0			
2.2	Xây dựng, phê duyệt kế hoạch kiểm tra hàng năm; tổ chức các cuộc kiểm tra liên ngành, chuyên ngành theo kế hoạch được phê duyệt đối với cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý trên địa bàn	3			
	100% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) triển khai thực hiện đầy đủ nội dung trên	3			
	90% đến dưới 100% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) triển khai thực hiện đầy đủ nội dung trên	1			
	Dưới 90% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) triển khai thực hiện đầy đủ nội dung trên	0			
3	Nâng cao năng lực công tác quản lý ATTP	10		2	
3.1	Đào tạo/ tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác ATTP các cấp	4			
	100% cán bộ làm công tác ATTP thuộc đơn vị chức năng tuyến huyện (TP) và các xã (phường/ thị trấn) được đào tạo/ tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	4			
	90% đến dưới 100% cán bộ làm công tác ATTP thuộc đơn vị chức năng tuyến huyện (TP) và các xã (phường/ thị trấn) được đào tạo/ tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	2			

Tính % đạt = Số thực hiện/ [Tổng số xã (phường, thị trấn) thuộc huyện (TP) + 03 đơn vị chức năng tuyến huyện, gồm: Y tế, NN&PTNT, Kinh tế hạ tầng, Riêng TP. Bắc Giang 02 đơn vị chức năng (Y tế, Kinh tế)]

Tính % đạt = Số thực hiện/ [Tổng số xã (phường, thị trấn) thuộc huyện (TP) + 01 (huyện/TP)]

Tính % đạt = Số thực hiện/ [Tổng số cán bộ làm ATTP xã (phường, thị trấn) thuộc huyện (TP) + cán bộ làm ATTP của 04 đơn vị chức năng tuyến huyện (TTYT; phòng Y tế, NN&PTNT, Kinh tế hạ tầng), Riêng TP. Bắc Giang gồm 03 đơn vị chức năng]

TT	Tiêu chí	Điểm				Ghi chú
		Đạt	Trừ	Thưởng	Chấm	
	80% đến dưới 90% cán bộ làm công tác ATTP thuộc đơn vị chức năng tuyển huyện (TP) và các xã (phường/ thị trấn) được đào tạo/ tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	1				năng (TTYT; phòng Y tế, phòng Kinh tế)
	Dưới 80% cán bộ làm công tác ATTP thuộc đơn vị chức năng tuyển huyện (TP) và các xã (phường/ thị trấn) được đào tạo/ tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	0				
3.2	Đầu tư, sử dụng trang thiết bị cho hoạt động kiểm tra, giám sát về ATTP (thiết bị, dụng cụ lấy và bảo quản mẫu; test kiểm tra nhanh về ATTP)	3		1		<p>Tính % đạt = Số thực hiện/ [Tổng số cán bộ làm ATTP xã (phường, thị trấn) thuộc huyện (TP) + cán bộ làm ATTP của 04 đơn vị chức năng tuyển huyện (TTYT; phòng Y tế, NN&PTNT, Kinh tế hạ tầng), Riêng TP. Bắc Giang gồm 03 đơn vị chức năng (TTYT; phòng Y tế, phòng Kinh tế)]</p>
	100% đơn vị chức năng của tuyển huyện (TP) và các xã (phường/ thị trấn) có đầu tư, sử dụng trang thiết bị cho hoạt động kiểm tra, giám sát về ATTP	3		1		
	90% - dưới 100% đơn vị chức năng của tuyển huyện (TP) và các xã (phường/ thị trấn) có đầu tư, sử dụng trang thiết bị cho hoạt động kiểm tra, giám sát về ATTP	2				
	80% - dưới 90% đơn vị chức năng của tuyển huyện (TP) và các xã (phường/ thị trấn) có đầu tư, sử dụng trang thiết bị cho hoạt động kiểm tra, giám sát về ATTP	1				
	Dưới 80% đơn vị chức năng của tuyển huyện (TP) và các xã (phường/ thị trấn) có đầu tư, sử dụng trang thiết bị cho hoạt động kiểm tra, giám sát về ATTP	0				
	Đầu tư kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về ATTP	3		1		
3.3	100% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) có đầu tư kinh phí cho công tác QLNN về ATTP	3		1		<p>Tính % đạt = Số thực hiện/ [Tổng số xã (phường, thị trấn) thuộc huyện (TP) + 01 (huyện/TP)]</p>
	90% đến dưới 100% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) có đầu tư kinh phí cho công tác QLNN về ATTP	2				
	80% đến dưới 90% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) có đầu tư kinh phí cho công tác QLNN về ATTP	1				
	Dưới 80% địa phương (gồm huyện/TP và các xã/ phường/ thị trấn) có đầu tư kinh phí cho công tác QLNN về ATTP	0				
4	Xây dựng, phát triển cơ sở giết mổ, sản xuất, kinh doanh và chuỗi cung cấp TP an toàn	8				
4.1	Xây dựng, phát triển mô hình (cơ sở) giết mổ, sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn	4				

TT	Tiêu chí	Điểm			Ghi chú
		Đạt	Trừ	Thưởng	
	Huyện (TP) xây dựng, phát triển ≥ 05 cơ sở giết mổ/ sản xuất/ kinh doanh thực phẩm an toàn	4			Kiểm tra văn bản, tài liệu chứng minh.
	Huyện (TP) xây dựng, phát triển 03 - 04 cơ sở giết mổ, sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn	2			
	Huyện (TP) xây dựng, phát triển 01 - 02 cơ sở giết mổ, sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn	1			
	Huyện (TP) không xây dựng, phát triển cơ sở giết mổ, sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn	0			
4.2	Xây dựng, phát triển chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn	4			Kiểm tra văn bản, tài liệu chứng minh.
	Huyện (TP) xây dựng, phát triển được ≥ 03 chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn	4			
	Huyện (TP) xây dựng, phát triển được 02 chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn	2			
	Huyện (TP) xây dựng, phát triển được 01 chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn	1			
	Huyện (TP) không xây dựng, phát triển chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn	0			
III	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, SÁNG KIẾN CẢI TIẾN KỸ THUẬT			2,5	
1	Các đơn vị chức năng và các xã (phường, thị trấn) thuộc huyện/ thành phố có từ 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên về lĩnh vực ATPP được triển khai, nghiệm thu			1	
2	Địa phương (gồm huyện/TP và các xã/phường/ thị trấn) có từ 01 sáng kiến hoặc áp dụng theo tiêu chuẩn kỹ thuật (VietGap, VietGapH...) trở lên góp phần tăng năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm trong sản xuất nông, lâm, thủy sản			1,5	
	TỔNG ĐIỂM	100	10	10	

Ghi chú: Đối với các xã/phường/thị trấn không được giao chỉ tiêu vì không có hoạt động sản xuất nông, thủy sản/ xây dựng nông thôn mới/ không có chợ... thì chấm điểm tối đa và ghi trong cột ghi chú là "không có"

Tổng điểm: Điểm đạt = 100 điểm; Điểm trừ: 10 điểm; điểm thưởng = 10 điểm

Phân loại:

* Loại xuất sắc: Tổng số điểm đạt từ 95 - 110 điểm

- * Loại A (Tốt): Tổng số điểm đạt từ 90 - 95 điểm
- * Loại B (Khá): Tổng số điểm đạt từ 75 - 89 điểm
- * Loại C (Trung bình): Tổng số điểm đạt từ 60 - 74 điểm
- * Loại D (Kém): Tổng số điểm đạt dưới 60 điểm

UBND HUYỆN (TP)/
XÃ (PHƯỜNG/ THỊ TRẤN)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO
Kết quả đánh giá, xếp loại công tác quản lý nhà nước
về an toàn thực phẩm năm 201...

Thực hiện Hướng dẫn số /HD-BCĐLN ngày / /2018 của Ban chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm (ATTP) tỉnh Bắc Giang về việc đánh giá, xếp loại công tác quản lý nhà nước (QLNN) về ATTP.

Ủy ban nhân dân huyện (thành phố)/xã (phường/thị trấn) đã tổ chức tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại đối với công tác QLNN về ATTP của địa phương, kết quả như sau:

1. Kết quả tự chấm điểm

TT	Tiêu chí	Điểm				Ghi chú
		Đạt	Trừ	Thưởng	Chấm	
1	Chỉ đạo, điều hành công tác QLNN về ATTP					
2	Kết quả thực hiện công tác QLNN về ATTP					
3	Nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật					
	Cộng					

(Kết quả chấm điểm chi tiết đính kèm)

2. Kết quả tự xếp loại: (Ghi rõ).....

3. Kiến nghị, đề xuất: Ghi cụ thể (nếu có)

Nơi nhận:

-

- Lưu: VT,

Bản điện tử:

-

-

CHỦ TỊCH